

Bản án số: 07/2026/DS-ST

Ngày: 09-01-2026

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Miêng

Ông Huỳnh Ngọc Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Sĩ – Thư ký Tòa án.

Ngày 09 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 78/2025/TLST-DS, ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 199/2025/QĐST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần L (L1).

Địa chỉ trụ sở chính: LBP T, số B đường T, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội. (nay là L2, số B đường T, phường H, Thành phố Hà Nội)

Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Quốc K. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần L:

+ Bà Nguyễn Thị Như Ý, sinh năm 1991 – Chuyên viên xử lý nợ - Ngân hàng thương mại cổ phần L – Chi nhánh B. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Cùng cư trú: số I, ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre. (nay là số I, ấp Q, xã Q, tỉnh Vĩnh Long)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/8/2025, đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần L là bà Nguyễn Thị Như Ý trình bày:

Ông Nguyễn Hoàng N và bà Nguyễn Thị Ú có vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần B1 (nay là Ngân hàng thương mại cổ phần L) - Chi nhánh B – Phòng G (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) theo Hợp đồng tín dụng số HDTD23A20220299 ký

ngày 15/6/2022 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 23A20220299/01 ký ngày 17/6/2022, cụ thể như sau:

Số tiền vay: 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng.

Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày 17/6/2022

Lãi suất: 11,45%/năm; Cố định 3 tháng đầu. Tháng thứ 4 trở lên lãi suất điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo công thức: Lãi suất cho vay = Lãi suất cơ sở + Margin (Margin tối thiểu 6,2%/năm)

Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn;

Lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm; Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh chỉ sơ dừa các loại theo đúng quy định L1.

Kỳ hạn trả nợ gốc: theo quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ.

Kỳ hạn trả lãi: theo quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ.

* Tài sản đảm bảo khoản vay theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: HĐTC23A2022172 ký ngày 15/6/2022, công chứng tại Văn phòng C ngày 15/6/2022, số công chứng: 2116, Quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD. Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 15/6/2022 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực B tỉnh Vĩnh Long).

Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thế chấp theo:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 933778, vào sổ cấp GCN: H04648 do UBND huyện T, tỉnh Bến Tre cấp ngày 09/7/2008 cho ông Nguyễn Hoàng N. Thửa đất số 321, tờ bản đồ số 11, diện tích 1367,5m² địa chỉ: ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp Q, xã Q, tỉnh Vĩnh Long).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 822660, vào sổ cấp GCN: CH06012 do UBND huyện T, tỉnh Bến Tre cấp ngày 04/12/2013 cho ông Nguyễn Hoàng N và bà Nguyễn Thị Ú. Thửa đất số 322, tờ bản đồ số 11, diện tích 1369,6m² địa chỉ: ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp Q, xã Q, tỉnh Vĩnh Long).

* Thực hiện Hợp đồng:

Đối với hợp đồng vay vốn, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Hoàng N, bà Nguyễn Thị Ú theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 23A20220299/01 ký ngày 17/6/2022 với số tiền đã giải ngân là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng.

Tuy nhiên đến ngày 09/01/2026 ông Hoàng N, bà Nguyễn Thị Ú chỉ thanh toán được một phần nợ gốc và không thanh toán nợ lãi và lãi chậm trả phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số HĐTD23A20220299 ký ngày 15/6/2022 cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 341.999.958 đồng;

- Nợ lãi trong hạn: 82.954.706 đồng;

- Nợ lãi quá hạn: 37.419.528 đồng.
 - Nợ lãi chậm trả lãi trong hạn: 7.433.277 đồng.
- Tổng cộng: 469.807.469 đồng.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần L yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết như sau:

Buộc ông Hoàng Nam, bà Nguyễn Thị Ú có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ gốc, nợ lãi và các khoản lãi chậm trả phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số HDTD23A20220299 ký ngày 15/6/2022 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 23A20220299/01 ký ngày 17/6/2022, tổng số tiền tạm tính đến ngày 09/01/2026 là: 469.807.469 đồng.

Số tiền lãi phát sinh từ ngày 10/01/2026 của khoản tín dụng theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông N, bà Ú thanh toán đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

Ngay sau khi Bản án Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông N, bà Ú không trả nợ hoặc chi trả được một phần khoản nợ theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, đã ký thì Ngân hàng thương mại cổ phần L3 được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi toàn bộ khoản nợ, 02 quyền sử dụng đất như sau:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 933778, vào sổ cấp GCN: H04648 do UBND huyện T, tỉnh Bến Tre cấp ngày 09/7/2008 cho ông Nguyễn Hoàng N. Thửa đất số 321, tờ bản đồ số 11, diện tích 1367,5 m² địa chỉ: ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp Q, xã Q, tỉnh Vĩnh Long).

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 822660, vào sổ cấp GCN: CH06012 do UBND huyện T, tỉnh Bến Tre cấp ngày 04/12/2013 cho ông Nguyễn Hoàng N và bà Nguyễn Thị Ú. Thửa đất số 322, tờ bản đồ số 11, diện tích 1369,6 m² địa chỉ: ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp Q, xã Q, tỉnh Vĩnh Long).

Trường hợp tài sản bảo đảm phát mãi không đủ để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng thì ông N, bà Ú vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ tại Ngân hàng thương mại cổ phần L theo đúng Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đã ký kết.

** Bị đơn ông Nguyễn Hoàng N, bà Nguyễn Thị Ú đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần L tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Hoàng N, bà Nguyễn Thị Ú do bị đơn có nơi cư trú tại xã Q, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn ông Hoàng N, bà Nguyễn Thị Ú đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng số HDTD23A20220299 ký ngày 15/6/2022 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 23A20220299/01 ký ngày 17/6/2022 giữa ông Nguyễn Hoàng N, bà Nguyễn Thị Ú với Ngân hàng thương mại cổ phần B1 (nay là Ngân hàng Thương mại cổ phần L) – Chi nhánh B – Phòng G được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, về hình thức và nội dung là phù hợp với quy định của của Bộ Luật dân sự, Luật các Tổ chức tín dụng. Do đó các hợp đồng có hiệu lực thi hành đối với các bên nên Tòa án căn cứ vào các nội dung trong hợp đồng để xem xét, giải quyết. Do ông N, bà Ú vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc ông N, bà Ú phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần B1 (nay là Ngân hàng Thương mại cổ phần L) số tiền tạm tính đến ngày 09/01/2026 là 469.807.419 đồng (Chi tiết theo bảng tính lãi đính kèm) và số tiền lãi phát sinh từ ngày 10/01/2026 của khoản tín dụng theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông N, bà Ú thanh toán đầy đủ nghĩa vụ nợ cho Ngân hàng là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

[4] Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: HĐTC23A2022172 ký ngày 15/6/2022, công chứng tại Văn phòng C ngày 15/6/2022, số công chứng: 2116, Quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD. Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 15/6/2022 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực B tỉnh Vĩnh Long).

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai là đúng quy định nên trong trường hợp ông N, bà Ú không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[5] Các bên đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Do khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên ông N, bà Ú có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, các Điều 147, 227, 228, 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ các Điều 7, 8, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần L đối với ông Nguyễn Hoàng N, bà Nguyễn Thị Ú.

Buộc ông Nguyễn Hoàng N, bà Nguyễn Thị Ú phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần L số tiền tạm tính đến ngày 09/01/2026 là 469.807.469 (Bốn trăm sáu mươi chín triệu, tám trăm lẻ bảy nghìn, bốn trăm sáu mươi chín) đồng

Buộc ông Nguyễn Hoàng N, bà Nguyễn Thị Ú có nghĩa vụ liên đới tiếp tục chịu lãi suất tính từ ngày 10/01/2026 của khoản tín dụng theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số HDTD23A20220299 ký ngày 15/6/2022 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 23A20220299/01 ký ngày 17/6/2022 cho đến ngày thanh toán đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Hoàng N, bà Nguyễn Thị Ú không trả nợ hoặc chỉ trả một phần nợ theo hợp đồng tín dụng và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đã ký thì Ngân hàng thương mại cổ phần L được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: HĐTC23A2022172 ký ngày 15/6/2022, công chứng tại Văn phòng C ngày 15/6/2022, số công chứng: 2116, Quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD. Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 15/6/2022 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực B tỉnh Vĩnh Long) để thu hồi toàn bộ khoản nợ, tài sản thế chấp là:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 933778, vào sổ cấp GCN: H04648 do UBND huyện T, tỉnh Bến Tre cấp ngày 09/7/2008 cho ông Nguyễn Hoàng N. Thửa đất số 321, tờ bản đồ số 11, diện tích 1367,5m² địa chỉ: ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp Q, xã Q, tỉnh Vĩnh Long).

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 822660, vào sổ cấp GCN: CH06012 do UBND huyện T, tỉnh Bến Tre cấp ngày 04/12/2013 cho ông Nguyễn Hoàng N và bà Nguyễn Thị Ú. Thửa đất số 322, tờ bản đồ số 11, diện tích 1369,6m² địa chỉ: ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp Q, xã Q, tỉnh Vĩnh Long).

2. Về án phí dân sự có giá ngạch: Buộc ông Nguyễn Hoàng N, bà Nguyễn Thị Ú phải có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền 22.792.298 (Hai mươi hai triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn, hai trăm chín mươi tám) đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần L được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.594.000 đồng theo biên lai thu số 0004784, ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Đương sự vắng mặt tại tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 9 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Hữu Lộc